

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VB
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST

Ngày 06-02-2023

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VB, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Ly Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 148/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023; Thông báo về việc thay đổi lịch xét xử số 02/TB -TA ngày 18 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc B ; đăng ký hộ khẩu thường trú: Cụm A, Thôn N, xã VQ, huyện VB, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Thôn B, xã ĐM, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Trần Như Q ; nơi cư trú: Cụm A, Thôn N, xã VQ, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc B trình bày: Chị và anh Trần Như Q kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 09-5-2011 tại Ủy ban nhân dân xã VQ, huyện VB, thành

phố Hải Phòng. Quá trình chung sống anh chị hòa thuận thời gian đầu và có 03 con chung. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 7/2022 do bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp nên đã xảy ra bất hòa. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị đã về gia đình chị ở Thôn B, xã ĐM, huyện VB, thành phố Hải Phòng sinh sống. Từ tháng 7/2022 đến nay vợ chồng anh chị sống ly thân mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau, đối xử với nhau lạnh nhạt. Nay nhận thấy tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Như Q .

Về con chung: Chị và anh Trần Như Q có 03 con chung là Trần Nguyễn N N, sinh ngày 05-9-2011, Trần A T, sinh ngày 20-11-2015 và Trần Nguyễn N N1, sinh ngày 02-12-2018. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con Trần Nguyễn N N và Trần Nguyễn N N1 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Trần A T cho anh Q nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chị xin tự giải quyết với anh Q .

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Như Q xác nhận về điều kiện hoàn cảnh kết hôn như chị Nguyễn Ngọc B trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc thời gian đầu và có ba con chung. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 7/2022 do vợ chồng cùng nghi ngờ nhau về tình cảm. Từ tháng 7/2022 đến nay chị B đã về gia đình chị ở Thôn B, xã ĐM, huyện VB, thành phố Hải Phòng sinh sống. Vợ chồng anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị B xin ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Ngọc B có 03 con chung là Trần Nguyễn N N, sinh ngày 05-9-2011, Trần A T, sinh ngày 20-11-2015 và Trần Nguyễn N N1, sinh ngày 02-12-2018. Khi ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao con cả ba con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con anh xin tự giải quyết với chị B .

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ việc xét xử vắng nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ, tại phiên

tòa bị đơn vắng mặt không có lý do, tuy nhiên vi phạm của bị đơn không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Ngọc B được ly hôn anh Trần Như Q. Về con chung: Giao con Trần Nguyễn N N, sinh ngày 05-9-2011 và Trần Nguyễn N N1, sinh ngày 02-12-2018 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Trần A T, sinh ngày 20-11-2015 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chị Nguyễn Ngọc B xin tự giải quyết với anh Trần Như Q nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Ngọc B và anh Trần Như Q không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Anh Trần Như Q có hộ khẩu thường trú tại Thôn N, xã VQ, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án ly hôn giữa chị Nguyễn Ngọc B và anh Trần Như Q thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, chị Nguyễn Ngọc B có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Trần Như Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa, tuy nhiên anh Q vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Ngọc B và anh Trần Như Q.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc B và anh Trần Như Q kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VQ, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 09-5-2011, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị hoà thuận thời gian đầu và có ba con chung. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp nên đã xảy ra bất hòa. Nay chị B xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị đề nghị được ly hôn với anh Trần Như Q. Quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Như Q không đồng ý ly hôn với chị B. Qua xác minh thì thấy vợ chồng chị Nguyễn Ngọc

B và anh Trần Như Q có mâu thuẫn, từ tháng 7 năm 2022 đến nay chị B đã về gia đình chị ở Thôn B, xã ĐM, huyện VB, thành phố Hải Phòng sinh sống. Vợ chồng anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của chị Nguyễn Ngọc B xin ly hôn anh Trần Như Q phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Ngọc B và anh Trần Như Q có ba con chung là Trần Nguyễn N N, sinh ngày 05-9-2011, Trần A T, sinh ngày 20-11-2015 và Trần Nguyễn N N1, sinh ngày 02-12-2018. Khi ly hôn, chị B đề nghị nuôi con Trần Nguyễn N N và Trần Nguyễn N N1, anh Q đề nghị Tòa án giao cả ba con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Xét yêu cầu đề nghị nuôi con chung của anh chị, Hội đồng xét xử nhận định: Chị Nguyễn Ngọc B và anh Trần Như Q đều có nơi ở và thu nhập ổn định, cháu Trần Nguyễn N N, sinh ngày 05-9-2011 có nguyện vọng xin được ở với mẹ, cháu Trần Nguyễn N N1 còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần chấp nhận yêu cầu của chị B, giao con Trần Nguyễn N N và Trần Nguyễn N N1 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Trần A T cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chị Nguyễn Ngọc B xin tự giải quyết với anh Trần Như Q nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Ngọc B và anh Trần Như Q không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Ngọc B được ly hôn anh Trần Như Q .
2. Về con chung: Giao con chung Trần Nguyễn N N, sinh ngày 05-9-2011 và Trần Nguyễn N N1, sinh ngày 02-12-2018 cho chị Nguyễn Ngọc B trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Trần A T, sinh ngày 20-11-2015 cho anh Trần Như Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chị Nguyễn Ngọc B và anh Trần Như Q tự giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Ngọc B và anh Trần Như Q không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chị B đã nộp tạm ứng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002357 ngày 04 tháng 10 năm 2022. Chị Nguyễn Ngọc B đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện VB;
- VKSND thành phố Hải Phòng
- TAND Thành phố Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB;
- Ủy ban nhân dân xã Hòa Bình huyện VB, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương Huyền